

Phát triển nguồn nhân lực KH&NV dựa trên một số tiêu chí cơ bản

GS.TS Nguyễn Văn Kim
TS Nguyễn Mạnh Dũng

Trường Đại học KH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

Muốn phát triển nguồn nhân lực khoa học xã hội và nhân văn (KH&NV), cần đặt ra những tiêu chí cụ thể, rõ ràng. Trên cơ sở của những tiêu chí đó, chúng ta sẽ tìm ra giải pháp phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này.

Thu hút nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) và giảng dạy

Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá nguồn nhân lực KH&NV Việt Nam, phù hợp với Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020. Việc thu hút nhân lực KH&NV chất lượng cao từ bên ngoài không được hiểu là một phương pháp để nâng cao nguồn nhân lực trong nước, mà phải là một tiêu chí để đánh giá nguồn nhân lực KH&NV ở Việt Nam.

Đã là nhân lực “chất lượng cao từ bên ngoài”, nên năng lực và kỹ năng đã được thẩm định. Nhân lực KH&NV ở trong nước cũng cần có năng lực thực sự và có kỹ năng có thể làm việc với họ. Nếu các yếu tố này không đáp ứng được, hoặc mức độ đáp ứng không đủ làm “hài lòng” những người làm KH&NV từ bên ngoài thì rất khó để chúng ta tiếp cận, giao thoa được những luồng tri thức của thế giới vào Việt Nam thông qua nguồn lực này.

Việc thu hút nhân lực KH&NV chất lượng cao từ bên ngoài sẽ góp phần vào việc phát triển nền khoa học Việt Nam nói chung. Nếu làm tốt điều này, chúng ta sẽ hạn chế được tình trạng “chảy máu chất xám” - một hiện tượng đang được đề cập

hiều trên các diễn đàn khoa học, đồng thời việc thu hút các chuyên gia, các nhà khoa học sẽ là tấm gương, tạo niềm tin để các sinh viên, du học sinh, nghiên cứu sinh (NCS) Việt Nam trở về làm việc, phục vụ Tổ quốc. Nhân lực KH&NV chất lượng cao từ bên ngoài gồm hai bộ phận là Việt kiều và những người nước ngoài. Nhân lực từ bên ngoài là đầu mối liên hệ giữa các nhà khoa học trong nước với các nhà khoa học quốc tế, giúp Việt Nam có thể nắm bắt được các trào lưu khoa học mới, bắt kịp trình độ quốc tế. Việc thu hút

làm công tác quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực trong nước đạt chuẩn và trình độ quốc tế theo từng trình độ chuyên môn sẽ là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực KH&NV ở Việt Nam.

Đội ngũ cử nhân, thạc sĩ hiện nay là đông đảo nhất, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, đòi hỏi của xã hội. So sánh (một số tiêu chí như ngoại ngữ, NCKH, hoạt động thực tiễn...) với các nước phát triển, nhìn chung chất lượng cử nhân, thạc sĩ ở Việt Nam còn thấp hơn đáng kể.

Bảng 1: tiêu chuẩn năng lực trình độ cử nhân, thạc sĩ

Tiêu chuẩn	Mô tả	
	Cử nhân	Thạc sĩ
Ngoại ngữ	Đạt trình độ B1 hoặc tương đương	Đạt trình độ B1 hoặc tương đương
NCKH	Đã tham gia NCKH	Đã có ít nhất 01 bài nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành
Làm việc	Đáp ứng được công việc, có năng lực thuyết trình trước đám đông	Đáp ứng tốt công việc, có năng lực thuyết trình trước đám đông

nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài có khả năng đem lại bước phát triển có tính chất đột phá, vì vậy thu hút nguồn nhân lực KH&NV chất lượng cao là rất cần thiết.

Đào tạo cử nhân, thạc sĩ đạt chuẩn

Nhân lực KH&NV có chức năng NCKH, đào tạo giảng dạy và

Để thực hiện được tiêu chí trên, cần áp dụng một số giải pháp sau:

- *Xây dựng nội dung và chương trình phù hợp.* Nội dung và chương trình đào tạo khối ngành KH&NV cần chuyển biến mạnh mẽ từ mục tiêu trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng

lực, tránh tình trạng học rộng, định hướng mơ hồ.

- **Chuẩn hóa đội ngũ giảng dạy.** Trong việc đào tạo nguồn nhân lực, người thầy phải thực sự là một nhà khoa học, có năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu, thể hiện được vai trò dẫn dắt của mình, đồng thời là tấm gương đạo đức cho người học noi theo. Để thực hiện chuẩn hóa về đội ngũ giảng dạy, cần thực hiện các biện pháp như: rà soát chất lượng giảng viên, xử lý kiên quyết, triệt để những trường hợp không đảm bảo các yêu cầu chuyên môn, trình độ chuyên môn; thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ giảng dạy. Trong trường hợp thiếu đội ngũ giảng dạy, thực hiện ký hợp đồng trách nhiệm với các giảng viên có trình độ cao đã về hưu song song với đào tạo bồi dưỡng giảng viên trẻ...

- **Nâng cao trình độ ngoại ngữ.** Ngoại ngữ là công cụ quan trọng để các nhà KHXH&NV Việt Nam tiếp cận với những tri thức của nhân loại. Không được nhầm lẫn ngoại ngữ là mục đích của việc học, ngoại ngữ chỉ là công cụ tốt, là phương tiện hỗ trợ đắc lực cho công việc giao tiếp, học tập và nghiên cứu chuyên sâu và hiệu quả hơn. Chất lượng nhân lực KHXH&NV phát triển cũng đi liền với sự phát triển của trình độ ngoại ngữ. Trình độ ngoại ngữ yếu kém gây ra những trở ngại đối với việc tiếp thu tri thức nhân loại, hạn chế hợp tác, trao đổi học thuật quốc tế. Vì vậy, yêu cầu đặt ra trong việc đào tạo nguồn nhân lực là cần đảm bảo cho sinh viên, học viên có thể sử dụng tương đối thành thạo ngoại ngữ phục vụ việc học.

- **Tăng cường trang bị lý thuyết khoa học, phương pháp nghiên cứu cho người học.** Ở bất cứ ngành khoa học nào, lý thuyết khoa học, phương pháp nghiên cứu đều đóng vai trò quan trọng; đối với KHXH&NV, điều

đó lại càng quan trọng. Lý thuyết khoa học là kim chỉ nam dẫn dắt hoạt động NCKH. Ở Việt Nam, trong một thời gian dài, KHXH&NV phải “gò ép” để phù hợp với “tư tưởng chỉ đạo” đã định sẵn, trong đó dường như tuyệt đối hóa học thuyết Mác-xít một cách “khô cứng”, dẫn đến sự yếu kém của KHXH&NV. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì người học cần được trang bị thêm những

được điều chỉnh theo từng giai đoạn, phù hợp với yêu cầu phát triển. Căn cứ vào yêu cầu thực tế hiện nay, có thể đưa ra các tiêu chuẩn và cấp độ áp dụng đối với các nhà KHXH&NV Việt Nam tùy theo học hàm (giáo sư, phó giáo sư), học vị (tiến sĩ) như về năng lực ngoại ngữ; công bố quốc tế, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục quốc tế; kinh nghiệm và khả năng thu hút và quản lý đề tài, dự án...

Bảng 2: tiêu chuẩn và cấp độ áp dụng đối với các nhà KHXH&NV^{*}

Tiêu chuẩn	Mô tả	Các cấp độ của tiêu chuẩn		
		Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3
Trình độ học vấn	Có bằng tiến sĩ	Tiến sĩ	Phó Giáo sư	Giáo sư
Ngoại ngữ	Khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ phục vụ giảng dạy và NCKH	B2 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc tương đương	Thường xuyên giảng dạy và NCKH bằng ngoại ngữ	Thường xuyên giảng dạy và NCKH bằng ngoại ngữ
Công bố quốc tế	Khả năng công bố quốc tế công trình NCKH	Có công bố trên tạp chí SCOPUS hoặc tương đương	Có công bố trên tạp chí SCIE hoặc tương đương	Có công bố trên tạp chí SCI hoặc tương đương
Giảng dạy quốc tế	Kinh nghiệm thỉnh giảng quốc tế, NCKH hoặc đồng hướng dẫn NCS bằng ngoại ngữ ở nước ngoài	Đã giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ tại một trường đại học trong nước	Đã giảng dạy chuyên môn, tham gia NCKH hoặc đồng hướng dẫn NCS bằng ngoại ngữ tại trường đại học/viện nghiên cứu ở Việt Nam	Đã giảng dạy chuyên môn hoặc đồng hướng dẫn NCS bằng ngoại ngữ tại một trường đại học uy tín trên thế giới
Quản lý khoa học	Kinh nghiệm chủ trì đề tài NCKH cấp đại học/viện nghiên cứu và hướng dẫn thành công NCS	Đã chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở và hướng dẫn thạc sĩ thành công	Đã chủ trì đề tài NCKH cấp đại học/viện nghiên cứu và hướng dẫn NCS thành công	Đã chủ trì đề tài NCKH cấp nhà nước hoặc trường nhóm nghiên cứu mạnh

lý thuyết, phương pháp nghiên cứu mới, trong đó cần chú trọng phương pháp nghiên cứu liên ngành.

Đào tạo đội ngũ nhà khoa học trình độ cao

Nhà khoa học trình độ cao cần được xác định là những người có trình độ chuẩn từ tiến sĩ trở lên. Đội ngũ nhà khoa học gồm hai bộ phận: đội ngũ những người làm công tác giảng dạy (giảng viên) và đội ngũ những người làm công tác NCKH. Hiện nay, ở Việt Nam, phần lớn đội ngũ giảng viên đều tham gia công tác NCKH. Ngược lại, nhiều người làm nghiên cứu cũng tham gia công tác giảng dạy và được gọi chung là đội ngũ nhà khoa học. Tiêu chuẩn nhà khoa học trình độ cao được xây dựng theo nguyên tắc của các đại học nghiên cứu hay các viện nghiên cứu tiên tiến trên thế giới. Tiêu chuẩn

Hiệu quả hợp tác quốc tế

Về hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KHXH&NV cần dựa trên các tiêu chí như lượng sinh viên trao đổi hàng năm giữa các trường đại học, các tổ chức giáo dục đào tạo trong nước với nước ngoài; số cán bộ có trình độ chất lượng cao được cử đi học tập, đào tạo và làm việc tại các trung tâm nghiên cứu, trường đại học ở nước ngoài và người nước ngoài đến Việt Nam; các công trình công bố khoa học có sự hợp tác giữa cá nhân, tổ chức khoa học trong nước với nước ngoài, ấn phẩm đăng trên một số tạp chí khoa học có uy tín (ISI, Scopus...); chất lượng và hiệu quả chương trình liên kết về đào tạo và quản lý nguồn nhân lực

^{*}Dựa vào khung đánh giá của Đại học Quốc gia Hà Nội

KHXH&NV với các quốc gia phát triển trong khu vực và thế giới.

Thị trường (đầu ra) cho NCKH hay hiệu quả thương mại hóa kết quả NCKH

Đó là việc thực hiện cơ chế thị trường đối với các đề tài và sản phẩm nghiên cứu để khuyến khích các cá nhân, tổ chức khoa học; xây dựng cơ chế và hành lang pháp lý để các nhà KHXH&NV thực hiện vai trò trong các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong lịch sử KH&CN, kết quả của hoạt động NCKH chủ yếu nhằm mở rộng vốn tri thức, hiểu biết xã hội, là nền tảng căn bản cho các khoa học khác. Các công trình KHXH&NV khó có thể lấy giá trị vật chất làm thước đo như các ngành khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ trong hoạt động sản xuất. Vì tính "phi kinh tế" ấy mà nhiều người không hiểu rõ được bản chất của nó, thường mang tâm lý xem thường, hay ái ngại khi lựa chọn lĩnh vực KHXH&NV.

Ở Việt Nam, mặc dù trong các văn kiện đại hội của Đảng đã xác định rõ vị trí và vai trò của KHXH&NV là "tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới..."², nhưng trên thực tế vẫn thiếu một cơ chế và một hành lang pháp lý để thực thi. Giải pháp này tuy không liên quan trực tiếp đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KHXH&NV nhưng có tác động tới quyền lợi và ý thức trách nhiệm của các KHXH&NV, tạo cơ sở pháp lý và thực tiễn cho các nhà KHXH&NV thực hiện vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với thực tiễn kinh tế - xã hội đất nước.

²Bộ KH&CN: *KH&CN phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 302-303.

Đóng góp khoa học trình độ, đẳng cấp quốc tế

Sản phẩm chính và có lẽ quan trọng nhất của một nhà khoa học là số lượng công trình khoa học đã được công bố. Công trình khoa học là những bài báo được công bố trên một tạp san khoa học có cơ chế bình duyệt (peer-review) uy tín cao. Một số trường đại học lớn thường dựa vào số lượng bài báo khoa học như là một tiêu chuẩn để xét duyệt để bạt các chức danh khoa bảng. Số lượng công bố KH&CN trên những tạp chí KH&CN quốc tế có uy tín là một chỉ số được nhiều nước sử dụng trong đánh giá năng suất KH&CN của một quốc gia.

Giới học thuật quốc tế vẫn đang tiếp tục đánh giá thành tựu NCKH của một cá nhân hay một quốc gia chủ yếu dựa trên dữ liệu về số lượng công bố quốc tế và số lượng trích dẫn trên các tạp chí có bình duyệt và được công nhận về chất lượng. Hai cơ sở dữ liệu lớn nhất về những thông tin này là Web of Science của Thomson Reuters và Elsevier's Scopus. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, các công trình nghiên cứu KHXH&NV nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội, vì nhiều lý do, không phải công trình nào thuộc diện này cũng có thể công bố quốc tế. Nhưng thực tế ở nhiều quốc gia cho thấy, việc không đòi hỏi bắt buộc các công trình cũng như năng lực của các nhà KHXH&NV ngày càng tự hậu so với thế giới và khu vực. Vì vậy, công bố quốc tế cần được xem là tiêu chí cứng để đánh giá trình độ, đẳng cấp quốc tế.

Trong xu thế giao lưu học thuật quốc tế hiện nay, các nhà KHXH&NV có nhiều cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế diễn ra ở trong và ngoài nước. Những người có trình độ, đẳng cấp quốc tế thường là người có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong các hội thảo quốc tế. Mức độ tham

gia các hội thảo quốc tế là một căn cứ để khẳng định trình độ, đẳng cấp quốc tế của nhà khoa học.

Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực KHXH&NV hiện nay đã trở nên phổ biến và phát triển ngày càng mạnh mẽ. Những nhà khoa học tham gia hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực có hiệu quả là những nhà khoa học đạt trình độ, đẳng cấp quốc tế, có những đóng góp khoa học riêng, chuyên sâu, độc đáo.

Kiến tạo xã hội

Kết quả đào tạo nguồn nhân lực của giảng viên, nhà khoa học, trường đại học, viện nghiên cứu... được thể hiện tập trung ở số lượng sinh viên, học viên cao học, NCS đã bảo vệ thành công. Có thể nói, kết quả đào tạo nguồn nhân lực có tác động lâu dài đối với xã hội. Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, các nhà KHXH&NV là một lực lượng có trách nhiệm lớn đối với việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, tạo ra mặt bằng trí tuệ cho dân tộc ngang tầm với yêu cầu của thời kỳ mới. Vì thế, đây là một tiêu chí quan trọng về kiến tạo xã hội của cá nhân cũng như tổ chức.

Ở các nước phát triển, các nhà KHXH&NV có vai trò quan trọng trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Ở Việt Nam, về mặt lý thuyết, các nhà KHXH&NV có nhiệm vụ quan trọng và to lớn, tuy nhiên, vai trò xã hội của các nhà KHXH&NV Việt Nam trên thực tế lại thiếu một cơ chế và một hành lang pháp lý để thực thi. Đây là vấn đề cơ chế mà bản thân các nhà nghiên cứu không thể tự giải quyết được. Vì vậy, khi đánh giá về nhân lực KHXH&NV Việt Nam, tiêu chí này cần được xem xét thận trọng.